TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2019
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Huỳnh Bích Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Kim Thạnh**

2. Bà **Phan Hoàng Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L: Ông **Nguyễn Phú Hữu** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 520/2018/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn**: Ông Đỗ Phước T, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1027/3A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2018, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ D và ông Đỗ Phước T là do quen

biết nhau, tiến đến hôn nhân năm 2006, hôn nhân lần nhất của bà và ông T, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, ngày 04/02/2007.

Sau khi kết hôn, bà D và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông T thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo cho cuộc sống gia đình và bạo lực gia đình. Bà D nhiều lần khuyên và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống không hạnh phúc nên bà Bùi Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Phước T.

- Về quan hệ con chung: Ông, bà có 02 (hai) con chung tên Đỗ Thùy D, sinh ngày 28/11/2007; Đỗ Thành L, sinh ngày 11/12/2011. Nếu được ly hôn, bà D yêu cầu tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung cháu D và cháu L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Đỗ Phước T không đến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà D, yêu cầu nuôi con của bà D.

- Tại phiên tòa: Bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Phước T, yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, bà D xác định không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục từ khi khai mạc phiên tòa cho đến phần tranh tụng tại phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như

không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử; tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Tđúng theo quy định. Do đó, ông Tđã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội D: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Mỹ D với ông Đỗ Phước T do mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà D để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu D và cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con do bà D không có yêu cầu ông T nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà D trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết. Do ông T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Bùi Thị Mỹ D với ông Đỗ Phước T là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết, bị đơn ông Đỗ Phước T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho cho ông Tđúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn vắng mặt được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông T không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Phước T.

- Về nội D:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ D với ông Đỗ Phước T kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy trích lục kết hôn số 38/TLKH, ngày 14/02/2007 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L;

nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà D trình bày, giữa bà với ông T về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nhận thấy, trong cuộc sống chung bà D và ông T đã có phát sinh mâu thuẫn một thời gian dài và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng do ông T thường xuyên uống rượu, bia không chăm lo cho gia đình và bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có giải thích cho bà D để tạo điều kiện cho ông Thành gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà D vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông T. Riêng ông T mặc dù biết bà D xin ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu của bà D cho thấy ông T không có quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà D. Xét thấy, hiện tại quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do thời gian ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

[5] Ông Đỗ Phước T không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà D, cũng không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông Ttrong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông, bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục di trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Mỹ D.

[6] Về con chung: Bà Bùi Thị Mỹ D và ông Đỗ Phước T có 02 (hai) con chung tên Đỗ Thùy D, sinh ngày 28/11/2007; Đỗ Thành L, sinh ngày 11/12/2011, lời khai của bà D phù hợp với giấy khai sinh số 528, quyển 02, ngày 25/12/2007; giấy khai sinh số 31/2012, quyển 01/2012, ngày 30/01/2012. Do thời gian qua bà D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử xét về quyền lợi mọi mặt của con và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho cháu Đỗ Thùy D và Đỗ Thành L. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đỗ Thùy D và Đỗ Thành L cho bà Bùi Thị Mỹ D được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị Mỹ D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này khi nào các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] **Về án phí**: Bà Bùi Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8 và Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mỹ Dly hôn với ông Đỗ Phước T.

[2] Về con chung: Bà Bùi Thị Mỹ D và ông Đỗ Phước T có 02 (hai) con chung tên Đỗ Thùy D, sinh ngày 28/11/2007; Đỗ Thành L, sinh ngày 11/12/2011.

Bà Bùi Thị Mỹ Dđược tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 (hai) con chung tên Đỗ Thùy D, sinh ngày 28/11/2007; Đỗ Thành L, sinh ngày 11/12/2011.

Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà D biết: Bà cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ttrong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bà Bùi Thị Mỹ D phải tạo điều kiện cho ông Đỗ Phước T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị Mỹ D phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008868, ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đỗ Phước T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền